

Bản án số: 60 /2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 12-9-2024

“ *V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Cương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Văn Du

Ông Trần Đức Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thu Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 8/6/2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142 ngày 23/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Thị D**, sinh ngày 15/7/1993; Địa chỉ đăng ký thường trú: **Tổ A, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; Địa chỉ hiện nay: **138 đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng**. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh ngày 18/5/1989; Địa chỉ đăng ký thường trú: **Tổ A, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**; Địa chỉ hiện nay: **138 đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng**. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2024 và bản tự khai ngày 16/7/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Vũ Thị D** trình bày:

Bà **Vũ Thị D** và ông **Nguyễn Ngọc T** kết hôn với nhau vào năm 2013 tại **UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114

ngày 17/6/2013). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống nhiều nơi, đến năm 2023 thì vợ chồng về chung sống tại 138 đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân nhưng vì thương các con còn nhỏ nên bà D đã cố gắng hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái tốt hơn. Đến năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, nguyên nhân là do ông Nguyễn Ngọc T không lo tu chí làm ăn, hay tụ tập bàn bè nhậu nhẹt và sử dụng trái phép chất ma túy. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó bà D đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

- Về quan hệ con chung: Bà Vũ Thị D xác định vợ chồng bà có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 24/01/2014 và Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 12/01/2016. Ly hôn bà D đề nghị giao 02 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà D xác định vợ chồng không có tài sản chung

- Về nợ chung: Bà D xác định vợ chồng bà không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Ngọc T nhưng ông T không hợp tác nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại bản khai ngày 16/7/2024, cháu Nguyễn Ngọc Bảo A có nguyện vọng được ở với mẹ; Cháu Nguyễn Hoàng Gia P có nguyện vọng được ở với ba.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định tại các Điều từ Điều 239 đến Điều 243; Điều 247; Điều 249 đến Điều 252; Điều 258 và Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự không tham gia các phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa lần 1 và lần 2.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà **Vũ Thị D** và ông **Nguyễn Ngọc T** đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Thị D**, xử cho bà **D** được ly hôn với ông **Nguyễn Ngọc T**.

Về con chung: Bà **Vũ Thị D** đề nghị Tòa án giao 02 con chung tên **Nguyễn Ngọc Bảo A**, sinh ngày 24/01/2014 và **Nguyễn Hoàng Gia P**, sinh ngày 12/01/2016 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai cháu **Bảo A** có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu **Gia P** có nguyện vọng được ở với ba. Tuy nhiên xét thấy từ trước đến nay cháu **Bảo A** và cháu **Gia P** ở với bà **D** hiện bà **D** có công việc, có thu nhập đảm bảo nuôi dưỡng con chung; bản thân ông **T** không có việc làm ổn định, lại có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Thị D** giao 02 con chung tên **Nguyễn Ngọc Bảo A**, sinh ngày 24/01/2014 và **Nguyễn Hoàng Gia P**, sinh ngày 12/01/2016 cho bà **Vũ Thị D** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà **Vũ Thị D** không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Vũ Thị D** xác định không có nên không xem xét.

Về án phí: nguyên đơn bà **Vũ Thị D** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” bị đơn là ông **Nguyễn Ngọc T** có địa chỉ nơi cư trú tại: **A đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng**. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông **Nguyễn Ngọc T** vắng mặt, tuy nhiên đây là lần vắng mặt thứ 2 của ông **T**. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông **Nguyễn Ngọc T**.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu,

chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày, nguyện vọng của các bên và ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Vũ Thị D** và ông **Nguyễn Ngọc T** kết hôn với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 17/6/2013), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống nhiều nơi, đến năm 2022 thì vợ chồng về chung sống tại 138 **đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng**.

Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo bà **D** trình bày là do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân nhưng vì thương các con còn nhỏ nên bà **D** đã cố gắng hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái tốt hơn. Đến năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, nguyên nhân là do ông **Nguyễn Ngọc T** không lo tu chí làm ăn, hay tụ tập bàn bè nhậu nhẹt và sử dụng trái phép chất ma túy. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó bà **D** đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Nguyễn Ngọc T**.

Theo kết quả xác minh tại tổ dân phố thì vợ chồng bà **D**, ông **T** có mâu thuẫn hay không và mâu thuẫn như thế nào thì tổ dân phố không rõ.

Theo kết quả xác minh tại **Công an phường H** xác định ngày 21/12/2023 ông **Nguyễn Ngọc T** đã bị Chủ tịch **UBND phường H** xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Như vậy, việc bà **D** trình bày vợ chồng bà có mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân do ông **T** sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ. Mặt khác ông **Nguyễn Ngọc T** dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác, điều này chứng tỏ ông **T** không có thiện chí hòa giải, xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà **Vũ Thị D** và ông **Nguyễn Ngọc T** đã thực sự trầm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Thị D**, xử cho bà **D** được ly hôn với ông **Nguyễn Ngọc T**.

[3] Về quan hệ con chung: Bà **Vũ Thị D** đề nghị giao 2 con chung tên **Nguyễn Ngọc Bảo A**, sinh ngày 24/01/2014 và **Nguyễn Hoàng Gia P**, sinh ngày 12/01/2016 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 16/7/2024, cháu **Bảo A** có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu **Gia P** có nguyện vọng được ở với ba. Tuy nhiên theo trình bày của bà **D** từ trước đến nay 02 con đều ở với bà, hiện bà **D**

có công việc, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung; ông T không có công việc ổn định, lại sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ em, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A và Nguyễn Hoàng Gia P cho bà Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Vũ Thị D xác định không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

### 1. Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**2. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị D đối với ông Nguyễn Ngọc T về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

**2.1 Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho bà Vũ Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

**2.2 Về con chung:** Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 24/01/2014 và Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 12/01/2016 cho bà Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà D không yêu cầu nên không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**2.3 Về tài sản chung:** Bà Vũ Thị D xác định không có nên không xem xét.

**2.4 Về nợ chung:** Bà **Vũ Thị D** xác định không có nên không xem xét.

**3. Về án phí:** Bà **Vũ Thị D** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà **D** đã nộp tại biên lai thu số 0001686 ngày 28/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ (*như vậy bà **D** đã nộp đủ án phí*).

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đường sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- UBND thị trấn Eadrăng, huyện Eahleo, Đắk Lắk;  
(GCNĐKH số 114 ngày 17/6/2013)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Văn Cương**